

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

PHẠM PHƯƠNG CHI

DẤU ẤN THI PHÁP VĂN HỌC
DÂN GIAN TRONG THƠ TỔ HỮU
(QUA MỘT TIẾNG ĐỜN VÀ TA VỚI TA)

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành Văn học dân gian

Hà Nội – 2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

PHẠM PHƯƠNG CHI

DẤU ẤN THI PHÁP VĂN HỌC
DÂN GIAN TRONG THƠ TỔ HỮU
(QUA MỘT TIẾNG ĐÒN VÀ TA VỚI TA)

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành Văn học dân gian
Mã số: 60 22 01 25

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Việt Hương

Hà Nội – 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: Luận văn *“Dấu ấn thi pháp văn học dân gian trong thơ Tố Hữu (qua “Một tiếng đờn” và “Ta với ta”)* là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn này là trung thực. Nếu có gì sai phạm, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2015

Người cam đoan

Phạm Phương Chi

LỜI CẢM ƠN

Để có thể hoàn thành luận văn này, tôi xin được gửi lời cảm ơn trân trọng đến quý thầy cô trong Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội đã giúp tôi hoàn thành khóa học và luận văn này. Nhờ có sự tận tình chỉ bảo, dạy dỗ, truyền đạt kiến thức và kinh nghiệm của các thầy cô, tôi đã tiếp thu được nhiều ý kiến đóng góp và hoàn thiện luận văn của mình.

Với lòng biết ơn sâu sắc, tôi xin gửi lời cảm ơn đến TS. Nguyễn Việt Hương, người đã trực tiếp định hướng đề tài, dành nhiều thời gian và công sức để hướng dẫn, giúp đỡ tôi thực hiện luận văn.

Tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến gia đình và cơ quan nơi tôi công tác đã tạo mọi điều kiện để tôi có thể hoàn thành tốt mọi công việc trong quá trình thực hiện luận văn. Bên cạnh đó, tôi cũng xin cảm ơn các đồng nghiệp, bạn bè đã quan tâm, động viên, chia sẻ với tôi trong suốt thời gian qua.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình thực hiện nhưng luận văn không thể tránh được những thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô cũng như các nhà nghiên cứu, các bạn đồng nghiệp!

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2015

Tác giả luận văn

Phạm Phương Chi

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
4. Mục đích nghiên cứu.....	6
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Cấu trúc luận văn	6
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI	7
1.1. Một số khái niệm cơ bản có liên quan đến đề tài.....	7
1.1.1. Thi pháp.....	7
1.1.2. Thi pháp học	7
1.1.3. Thi pháp văn học dân gian.....	10
1.2. Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Tố Hữu	12
1.2.1. Vài nét về cuộc đời nhà thơ Tố Hữu	12
1.2.2. Những chặng đường thơ Tố Hữu	13
CHƯƠNG 2: “MỘT TIẾNG ĐÒN” VÀ “TA VỚI TA” – MỘT CHẶNG ĐƯỜNG MỚI TRONG NGHIỆP THƠ CỦA TỐ HỮU.	22
2.1. Cảm hứng chủ đạo trong hai tập thơ “Một tiếng đờn” và “Ta với ta”.....	22
2.1.1. Cảm hứng về vẻ đẹp của Tổ quốc, quê hương, con người.....	22
2.1.2. Khát vọng cống hiến cho đất nước.....	33
2.1.3. Niềm tin vào Đảng, vào con đường Cách mạng.....	37
2.1.4. Cảm hứng về Bác Hồ.....	41
2.1.5. Cảm hứng về thế sự, nhân sinh.....	45
2.2. Quan niệm nghệ thuật của Tố Hữu trong hai tập thơ “Một tiếng đờn” và “Ta với ta”.....	48
2.2.1 . Quan niệm nghệ thuật về con người.....	48
2.2.2. Quan niệm về thơ.....	52
2.2.3. Tình cảm cá nhân trong sáng tác của Tố Hữu	54
2.3. Phong cách thơ Tố Hữu trong hai tập thơ Một tiếng đờn và Ta với ta.....	58
CHƯƠNG 3: NHỮNG DẤU ẤN CỦA THI PHÁP VĂN HỌC DÂN GIAN TRONG “MỘT TIẾNG ĐÒN” VÀ “TA VỚI TA”	64
3.1. Thể thơ dân tộc và những biến thể.....	64

3.2. Ngôn ngữ, nhạc điệu	71
3.3. Kết cấu.....	77
3.4. Thời gian, không gian nghệ thuật	80
3.4.1. Thời gian nghệ thuật.....	80
3.4.2. Không gian nghệ thuật.....	81
3.5. Các hình ảnh, biểu tượng quen thuộc của thi pháp văn học dân gian.....	84
KẾT LUẬN	100
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	102

TaiLieu.vn

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Văn học dân gian đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành và phát triển nền văn học dân tộc. Mỗi quan hệ giữa văn học dân gian với văn học viết là một mối quan hệ gắn bó mật thiết. Tuy hai loại hình này có những điểm khác nhau nhưng đều có chung một đối tượng phản ánh là hiện thực xã hội. Văn học dân gian là sản phẩm của nhân dân và có thể coi văn học dân gian như tấm gương phản ánh tâm hồn của dân tộc, những đặc điểm tâm lí, tình cảm, tâm thức của dân tộc. Văn học dân gian là cội nguồn, là bầu sữa nuôi dưỡng nền văn học của dân tộc. Nhiều thể loại văn học viết được xây dựng và phát triển dựa trên sự kế thừa và phát triển các thể loại văn học dân gian. Mỗi thời đại lịch sử bao giờ cũng để lại những dấu ấn đậm nét lên mối quan hệ giữa văn chương dân gian và văn học viết. Trong những sáng tác của rất nhiều nhà văn, nhà thơ trung đại và hiện đại, người ta đều có thể tìm thấy dấu ấn của thi pháp văn học dân gian. Có thể nói văn học dân gian là nền tảng của sự phát triển, kết tinh của nền văn học dân tộc. Chính vì vậy, các sáng tác sau này của các nhà thơ, nhà văn, muốn có sức sống lâu bền và thấm sâu trong lòng người đọc thì đều có sự vận dụng các thi pháp dân gian trong sáng tác của mình. Trong đội ngũ các tác giả đó, có nhà thơ Tố Hữu, lá cờ đầu của thi ca cách mạng Việt Nam.

Sự nghiệp thơ ca của Tố Hữu được biết đến thông qua các giải thưởng cao quý. Ông đã nhận được giải thưởng văn học lớn: Giải nhất giải thưởng Văn học Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 - 1955 (Tập “Việt Bắc”); Giải thưởng Văn học ASEAN (1996); Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật (đợt I - 1996). Các tác phẩm của ông cũng được đưa vào chương trình văn học bậc phổ thông.

Tố Hữu là một nhà thơ có ảnh hưởng lớn trong nền thi ca hiện đại Việt Nam. Tố Hữu chính là người “nửa thế kỉ lĩnh xướng hùng ca”, từ khi ông gia nhập Đoàn Thanh niên Cộng sản (1936) đến lúc ông rời chính trường (1986), vừa tròn nửa thế kỷ. Một trong những yếu tố làm nên sức sống lâu bền trong thơ Tố Hữu chính là tính dân tộc được thể hiện qua

nhiều khía cạnh, trong đó phải kể đến các yếu tố của thi pháp dân gian luôn đậm nét trong tác phẩm của ông. Nhà nghiên cứu phê bình văn học Nguyễn Đăng Mạnh nhận định: “Sức hấp dẫn mạnh nhất của thơ Tố Hữu đối với công chúng đông đảo là tính dân tộc, tính truyền thống đậm đà và nhuần nhuyễn”. Ông là một trong số các nhà thơ luôn có ý thức kế tục truyền thống thơ ca dân tộc, đặc biệt là thơ ca dân gian và thơ cổ điển. Bởi vậy, tìm hiểu tính thi pháp dân gian trong thơ Tố Hữu, chúng ta sẽ thấy được đời sống con người Việt Nam, thấy được bản sắc, hơi thở, tinh thần của dân tộc Việt Nam.

Trong cuộc đời sáng tác, Tố Hữu đã để lại cho đời rất nhiều những tác phẩm có giá trị như các tập thơ: “Từ ấy” (1946), “Việt Bắc” (1954), “Gió lộng” (1961), “Ra trận” (1962 – 1971), “Máu và hoa” (1977), “Một tiếng đờn” (1992), “Ta với ta” (1999); các tiểu luận “Xây dựng một nền văn nghệ lớn xứng đáng với nhân dân ta, thời đại ta” (tiểu luận, 1973), “Cuộc sống cách mạng và văn học nghệ thuật” (tiểu luận, 1981).

Đã có rất nhiều những công trình nghiên cứu về thơ Tố Hữu trên nhiều phương diện khác nhau, tuy nhiên hầu hết mới chỉ là khai thác ở năm tập thơ đầu (gắn với con đường chính trị, hoạt động cách mạng của ông), mà chưa có công trình nào nghiên cứu thật đầy đủ hai tập thơ cuối cùng “Một tiếng đờn” và “Ta với ta” của Tố Hữu, đặc biệt trên phương diện thi pháp văn học dân gian. Vì vậy, việc tìm hiểu hai tập thơ “Một tiếng đờn” và “Ta với ta” từ góc độ các phương thức biểu đạt để thấy được dấu ấn thi pháp văn học dân gian sẽ đóng góp một phần vào việc tìm hiểu thơ Tố Hữu được toàn diện hơn.

Ngoài ra, tác giả luận văn là giáo viên dạy bậc phổ thông, việc nghiên cứu dấu ấn thi pháp văn học dân gian trong thơ Tố Hữu sẽ phục vụ cho quá trình giảng dạy, giúp cho các bài dạy sâu sắc và ý nghĩa hơn.

2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu

Thơ Tố Hữu giữ vị trí quan trọng trong nền thi ca nước nhà, đặc biệt là nền thi ca thời kì kháng chiến cứu quốc. Chính vì vậy, các nhà nghiên cứu cũng đã tốn không ít giấy mực để bàn luận, nghiên cứu về các tác phẩm thơ của ông.

Có thể kể đến một số công trình nghiên cứu về Tố Hữu như: “Thơ Tố Hữu” của Lê Đình Ky (Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1979); “Thơ Tố Hữu, tiếng nói đồng ý, đồng tình, tiếng nói của đồng chí” của Nguyễn Văn Hạnh, (Nxb Thuận Hóa, Huế, 1985), “Thi pháp thơ Tố Hữu” của Trần Đình Sử (Nxb Tác phẩm mới, 1987).

Công trình nghiên cứu “Thơ Tố Hữu” của Lê Đình Ky được coi là xuất hiện sớm và có những đóng góp lớn trong việc khảo sát, đánh giá một cách toàn diện cả về nội dung và nghệ thuật thơ. Trong cuốn sách, tác giả khảo cứu 5 tập thơ đầu của Tố Hữu và khái quát những chủ đề lớn trong thơ cùng với đặc điểm về phong cách, tư tưởng, nghệ thuật của ông.

Trong “Thơ Tố Hữu, tiếng nói đồng ý, đồng tình, tiếng nói đồng chí”, nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Hạnh đã nghiên cứu tìm sự tương đồng giữa tác phẩm văn học và đời sống trong phản ánh, làm rõ những đặc sắc về nội dung, tư tưởng và phong vị đậm đà trong thơ Tố Hữu qua ngôn từ, hình ảnh, nhịp điệu, thể loại.

Trong “Thi pháp thơ Tố Hữu”, Trần Đình Sử cho thấy hình ảnh một nhà thơ lớn của dân tộc qua các bình diện từ tác giả - chủ thể sáng tạo cho đến các yếu tố nghệ thuật cơ bản của thơ: Đỉnh cao thơ trữ tình chính trị Việt Nam, kiểu nhà thơ, thể tài; quan niệm nghệ thuật về con người; không gian nghệ thuật; thời gian nghệ thuật; chất thơ và phương thức thể hiện. Ông đã định danh cái tôi trong thơ Tố Hữu: “Cái tôi nhiệt huyết, tình nghĩa truyền thống nhưng có thêm sức cảm nhận cảm tính, cá nhân của thơ mới truyền vào, trong đó hàm chứa cái tôi nghệ sĩ (thi nhân), cái tôi tiểu sử với nhiều hình thức biểu hiện đa dạng như nhập vai, nhiều vai”. Với thơ Tố Hữu, một quan niệm mới mẻ về con người đã được xây dựng - con người chính trị Việt Nam với những phẩm chất tiêu biểu: Con người giác ngộ quyền lợi giai cấp, dân tộc, tự giác trên con đường đấu tranh, vững tin ở tương lai, lý tưởng. Không chỉ đơn thuần là những người công dân không kham, con người trong thơ Tố Hữu cũng rất người với những tình cảm cao đẹp: Tình đồng bào, đồng chí, tình cảm gia đình thiêng liêng, tình anh em, bạn bè... Chương hấp dẫn nhất trong tác phẩm có lẽ là “Chất thơ và phương thức biểu hiện”. Ở chương này, bằng những lập luận hết sức sắc

sảo và khoa học, tác giả Trần Đình Sử đã khẳng định chất thơ của những tác phẩm thuần viết về cách mạng, khẳng định sức hấp dẫn và sự truyền cảm của những vần thơ sử của Tố Hữu. Nhà thơ đã khéo léo kết hợp ngôn ngữ trữ tình điệu nói với điệu ngâm, sử dụng nhuần nhuyễn những thủ pháp của thơ ca dân gian, những điệu hát, câu hò, đặc biệt là những vần thơ lục bát của dân tộc. Nhà thơ Tố Hữu cũng hòa hợp được chất thơ bay bổng, say mê hiện đại với lời thụ cảm thơ có tính chất trực quan cổ truyền và đưa lời nói chính trị vào những câu thơ rất đối trữ tình nhờ lối ví von ca ngợi, hô ứng và trùng điệp làm cho thơ âm vang luyến láy. Nhờ thế, thơ Tố Hữu trở thành một tinh phẩm độc nhất vô nhị trong làng thơ Việt.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu đó, còn có các nghiên cứu khác như: “Tố Hữu, nhà thơ cách mạng” của Phan Trọng Thường và Nguyễn Cừ (Nxb Khoa học và Xã hội, 1985) “Tố Hữu, thơ và cách mạng” của Mai Hương – Vân Trang và Nguyễn Văn Long (Nxb Hội nhà văn, 1996); Cuốn “Cuộc thảo luận (1959 – 1960) về tập thơ “Từ ấy”” (Nxb Hội nhà văn 1998); “Bình luận và chọn lọc về thơ Tố Hữu” của Đỗ Quang Lưu (Nxb Hà Nội, 1998).

Báo chí cũng đã tốn không ít giấy mực khi nói về thơ Tố Hữu. Nhà thơ Chế Lan Viên trong lời nói đầu “Tuyển thơ 1938 – 1963” của Tố Hữu, NXB Văn Học, Hà Nội, 1964 đã chỉ ra những đặc điểm phong cách và những cống hiến lớn của Tố Hữu cho nền văn học nước nhà. Cũng trên báo Nhân dân số tháng 5/1968, Chế Lan Viên đã viết bài nghiên cứu về “Tổ quốc Việt Nam, con người Việt Nam trong thơ Tố Hữu”. Tạp chí Văn học năm 1968 đã in bài viết nghiên cứu “Phong vị ca dao, dân ca trong thơ Tố Hữu” của Nguyễn Phú Trọng. Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Hạnh sau đó cũng có bài viết “Hình ảnh Bác Hồ qua các chặng đường thơ Tố Hữu”, in trên Tạp chí Văn học năm 1969. Nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai trong bài viết “Khi nhà nghệ sĩ “tham gia” vào cuộc đấu tranh với tất cả tâm hồn mình” được in trên báo Văn nghệ ngày 6/3/1976 đã phân tích và chỉ rõ sự nhất trí của Tố Hữu trong đời sống và nghệ thuật, giữa tư tưởng, tình cảm và hành động. Chính vì thế, thơ Tố Hữu đã được đánh giá cao trong cả nội dung và nghệ thuật.

Một số công trình thời gian sau này nghiên cứu về thi pháp trong các tập thơ được sáng tác trong thời kì hòa bình là “Một tiếng đờn” (xuất bản năm 1972) và “Ta với ta” (xuất bản năm 1999) như đề tài nghiên cứu về thơ Tố Hữu trong khuôn khổ luận văn thạc sĩ như “Thế giới nghệ thuật thơ Tố Hữu thời kì đổi mới” của Th.s Phạm Thị Hoàng Lan, “Đặc điểm nghệ thuật của thơ Tố Hữu từ *Việt Bắc* đến *Một tiếng đờn*” của Th.s Lê Anh Tuấn.

Tố Hữu đã để lại cho đời một khối lượng thơ không nhỏ và kèm theo đó, các công trình nghiên cứu, bình luận về thơ ông cũng không kém phần phong phú. Các nhà nghiên cứu, phê bình đã khai thác thơ ông một cách triệt để trên nhiều phương diện. Tuy nhiên, với hai tác phẩm sau này (“Một tiếng đờn” và “Ta với ta”) dường như chưa được đề cập tới nhiều như các tác phẩm của ông thời trước đó, đặc biệt những dấu ấn của thi pháp văn học dân gian trong hai tác phẩm chưa được khai thác một cách hệ thống. Vì thế, chúng tôi mong muốn bước đầu tìm hiểu ảnh hưởng của văn học dân gian trong hai tập thơ cuối của nhà thơ Tố Hữu để thấy được dấu ấn của thi pháp văn học trong thơ ông, từ đó có thể tiếp cận và cảm nhận thơ ông một cách toàn diện và sâu sắc hơn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung tìm hiểu những dấu ấn của thi pháp văn học dân gian được thể hiện qua hai tập thơ “Một tiếng đờn” và “Ta với ta” của Tố Hữu.

b. Phạm vi tư liệu nghiên cứu

Trong khuôn khổ luận văn, chúng tôi sử dụng hai tập thơ “Một tiếng đờn” và “Ta với ta” của Tố Hữu làm tư liệu chính để phục vụ cho việc nghiên cứu. Ngoài ra, chúng tôi cũng dùng các tập thơ khác là “Từ ấy”, “Việt Bắc”, “Gió lộng”, “Ra trận”, “Máu và hoa” để so sánh và làm rõ dấu ấn của thi pháp dân gian trong các tập thơ sau đã có sự tiếp nối và phát

triển như thế nào so với các tập thơ trước đó.

4. Mục đích nghiên cứu

Luận văn chủ yếu tìm hiểu những dấu ấn thi pháp dân gian trong hai tập thơ “Một tiếng đờn” và “Ta với ta” của Tố Hữu nhằm tái khẳng định ảnh hưởng to lớn của thi pháp dân gian trong thơ ông.

Bằng việc so sánh, đối chiếu những dấu ấn thi pháp dân gian trong hai tập thơ “Một tiếng đờn” và “Ta với ta” với những tập thơ ở thời kì trước của ông, luận văn một lần nữa khẳng định mạch thơ, hồn thơ đậm chất dân gian thống nhất của thơ Tố Hữu.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong luận văn, chúng tôi đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu: thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu.

Phương pháp thống kê để có những số liệu cụ thể giúp so sánh, đối chiếu việc sử dụng các yếu tố dân gian trong sáng tác thơ của Tố Hữu qua các thời kì. Từ đó đưa ra những nhận xét, đánh giá có tính thuyết phục hơn. Bên cạnh đó, luận văn kết hợp với phương pháp phân tích, tổng hợp so sánh, chỉ ra được những dấu ấn của thi pháp văn học dân gian trong thơ Tố Hữu, từ đó góp tiếng nói khẳng định giá trị không thể phủ nhận trong thơ ông.

6. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, luận văn được chia thành 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về đề tài.

Chương 2: “Một tiếng đờn” và “Ta với ta” - chặng đường mới trong nghiệp thơ của Tố Hữu.

Chương 3: Những yếu tố của thi pháp văn học dân gian trong “Một tiếng đờn” và “Ta với ta”

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI

1.1. Một số khái niệm cơ bản có liên quan đến đề tài

1.1.1. Thi pháp

Trong chuyên luận “Thi pháp thơ Tố Hữu”, GS. Trần Đình Sử khẳng định “Thi pháp là câu chuyện về hình thức bên trong, hình thức mang tính quan niệm, có tác dụng mở đường cho những cách nhìn, cách biểu hiện và sáng tạo ngôn ngữ. Đó là đặc điểm của thi ca xét trên phương diện chủ thể, tính chỉnh thể và hệ thống” [33, tr.11]

Nói rõ hơn thi pháp là hệ thống các nguyên tắc nghệ thuật chi phối sự tạo thành của một hệ thống nghệ thuật với các đặc sắc của nó. Thi pháp là nguyên tắc bên trong, vốn có của sáng tạo nghệ thuật, hình thành cùng nghệ thuật.

1.1.2. Thi pháp học

Thi pháp học là một yếu tố quan trọng giúp người đọc nâng cao năng lực cảm thụ tác phẩm nhờ việc đã nắm bắt được các công cụ để tìm hiểu văn bản nghệ thuật đã kể trên. Nhưng khác với việc xem xét hình thức văn học như những hiện tượng ngẫu nhiên, rời rạc thì thi pháp học đòi hỏi nghiên cứu hình thức nghệ thuật cũng như những hiện tượng có quy luật.

Cho đến nay, vẫn chưa có một định nghĩa bao quát được hết nội hàm của khái niệm “Thi pháp học”. Tuy nhiên, các định nghĩa khác nhau luôn có điểm chung ở một phạm vi nhất định của bộ môn chuyên ngành này là nghiên cứu hình thức và ngôn ngữ của văn học. Thi pháp học là khoa học nghiên cứu thi ca (tức là văn học) như là một nghệ thuật, là khoa học về cấu tạo của tác phẩm văn học và hệ thống các phương tiện thẩm mỹ được sử dụng trong đó. Trong cách hiểu rộng hơn, thi pháp học trùng với lí luận văn học, khi hiểu hẹp thì trùng với nghiên cứu ngôn ngữ thơ hay ngôn từ nghệ thuật. Thi pháp học đại cương nghiên cứu các phương thức có thể có trong việc thể hiện cấu trúc nghệ thuật của nhà văn và các quy tắc kết hợp, các phương thức phụ thuộc vào thể loại, loại hình văn học. Các phương tiện nghệ thuật có thể được phân loại theo các cấp độ khác nhau giữa cấu trúc

nghệ thuật, coi như cấp độ cao nhất và sự thể hiện cuối cùng của văn bản ngôn từ. Thi pháp học miêu tả đặt mục đích tái hiện con đường từ cấu tứ đến văn bản cuối cùng, qua đó nhà nghiên cứu có thể hoàn toàn thâm nhập vào cấu tứ của tác giả. Ở đây, các cấp độ và bộ phận của tác phẩm được xem xét như một chỉnh thể. Thi pháp học lịch sử nghiên cứu sự phát triển của các biện pháp nghệ thuật riêng lẻ (định ngữ, ẩn dụ, vần,...); nghiên cứu các phạm trù (thời gian nghệ thuật, không gian nghệ thuật, các đối lập cơ bản), cũng như cả hệ thống các thủ pháp hay phạm trù vốn có của những thời đại văn học; Thi pháp học - khoa học về hệ thống các phương tiện biểu hiện trong tác phẩm văn học. Trong nghĩa rộng thi pháp học trùng với lí luận văn học, trong nghĩa hẹp trùng với một trong các lĩnh vực của thi pháp lí thuyết. Là lĩnh vực của lí luận văn học, thi pháp học nghiên cứu đặc trưng của các loại hình, thể loại văn học, các dòng và trào lưu, các phong cách, phương pháp, nghiên cứu quy luật liên hệ nội tại và tương quan các cấp độ của chỉnh thể nghệ thuật. Bởi vì tất cả các phương tiện biểu hiện trong văn học suy đến cùng đều quy về ngôn ngữ, vì thế có thể định nghĩa thi pháp học như là khoa học nghiên cứu cách sử dụng các phương tiện ngôn ngữ. Văn bản ngôn từ của tác phẩm là hình thức tồn tại vật chất duy nhất của nội dung. Mục đích của thi pháp học là chỉ ra và hệ thống hóa các yếu tố của văn bản tham gia vào việc tạo thành ấn tượng thẩm mĩ của tác phẩm. Thông thường người ta phân biệt thi pháp học đại cương (hay lí thuyết), thi pháp học bộ phận (miêu tả) và thi pháp học lịch sử; Thi pháp học là khoa học về các hình thức, các dạng thức, các phương tiện, phương thức tổ chức tác phẩm sáng tác ngôn từ, về các kiểu cấu trúc và các thể loại tác phẩm văn học. Nó muốn bao quát không chỉ ngôn từ thơ, mà còn cả các khía cạnh khác nhau nhất của tác phẩm văn học và sáng tác dân gian. Nhiệm vụ của thi pháp học là nghiên cứu phương thức cấu tạo của tác phẩm văn học. Đối tượng của thi pháp học là các sáng tác có giá trị. Phương pháp nghiên cứu thi pháp là tiến hành miêu tả, phân loại và giải thích các hiện tượng được nghiên cứu”.

Từ các định nghĩa trên, ta thấy thi pháp học chủ yếu là một lĩnh vực nghiên cứu về đặc trưng, tổ chức, các phương thức, phương tiện, nguyên tắc làm nên giá trị thẩm mỹ của văn học trong tính chỉnh thể của văn bản. Đó là lĩnh vực nghiên cứu quy luật nội tại của tác phẩm, cấu tạo và phong cách, nó phân biệt (chứ không đối lập) với các lĩnh vực nghiên cứu khác. Thi pháp về thực chất là hệ thống ngôn ngữ (kí hiệu) nghệ thuật, mang tính mở. Thi pháp học bao gồm các bộ phận lí thuyết, miêu tả và lịch sử, gồm cả phong cách học, và ngày nay bao gồm cả tự sự học, tu từ học - mỗi bộ phận có đối tượng riêng, nhưng đều không ra ngoài phạm vi nói trên. Có nhà nghiên cứu đã ví thi pháp của văn học như là ngữ pháp trong ngôn ngữ, cho đến nay đã có nhiều lí thuyết và cách miêu tả ngữ pháp, nhưng không có một lí thuyết duy nhất miêu tả đầy đủ, trọn vẹn về ngữ pháp của một ngôn ngữ cụ thể nào. Tình hình đó cũng giống như thi pháp học.

Theo các nhà nghiên cứu Lê Bá Hán – Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi thì “Thi pháp học là khoa học nghiên cứu thi pháp, tức hệ thống các phương tiện biểu hiện đời sống bằng hình tượng nghệ thuật trong sáng tác văn học. Mục đích của thi pháp học là chia tách và hệ thống hóa các yếu tố của văn bản nghệ thuật tham gia vào sự tạo thành thể giới nghệ thuật, ấn tượng thẩm mỹ, chiều sâu phản ánh của sáng tác nghệ thuật. Khi nghiên cứu về thi pháp, chúng ta có thể tìm hiểu về đặc trưng thể loại, phương pháp, kết cấu, không gian, thời gian, ngôn ngữ, các biện pháp ngữ âm (ngữ âm, từ vựng và hình tượng) trong tác phẩm để tìm hiểu sự tác động của nó đến các sáng tác văn học” [35, tr. 258].

Theo GS. Nguyễn Xuân Kính, hiện nay, có nhiều cách hiểu về Thi pháp học. Có thể hiểu, thi pháp học là cách thức phân tích tác phẩm bám vào văn bản là chính, không chú trọng đến những vấn đề nằm ngoài văn bản như: tiểu sử nhà văn, hoàn cảnh sáng tác, nguyên mẫu nhân vật, giá trị hiện thực, tác dụng xã hội... Thi pháp học chỉ chú ý đến những yếu tố hình thức tác phẩm như: hình tượng nhân vật - không gian - thời gian, kết cấu -

cốt truyện - điểm nhìn, ngôn ngữ, thể loại... Nội dung trong tác phẩm phải được suy ra từ hình thức, đó là “hình thức mang tính nội dung”.

1.1.3. Thi pháp văn học dân gian

Theo các nhà nghiên cứu Lê Bá Hán – Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi thì "Văn học dân gian còn gọi là văn chương (hay văn học) bình dân, văn chương truyền miệng hay truyền khẩu là toàn bộ những sáng tác nghệ thuật ngôn từ của nhân dân" [13, tr. 344]. Văn học dân gian có nhiều đặc điểm và thuộc tính quan trọng, đáng chú ý như tính truyền miệng, tính nguyên hợp, tính tập thể, tính vô danh... trong đó tính truyền miệng được coi là thuộc tính quan trọng nhất, có quan hệ nhiều nhất với các thuộc tính và đặc điểm khác của văn học dân gian. Văn học dân gian cùng với văn học viết đã góp phần tạo thành nền văn học của dân tộc và giữa chúng có mối quan hệ ảnh hưởng qua lại.

Tác phẩm văn học dân gian khi tồn tại ở dạng văn bản chữ viết, nó có nhiều nét chung với văn học viết. Điều đó có nghĩa là nghiên cứu thi pháp văn học dân gian vẫn phải dựa vào lí luận, phương pháp, khái niệm công cụ của thi pháp văn học nói chung. Tuy văn học viết và văn học dân gian có điểm giống nhau nhưng nếu chúng ta xét kĩ thì văn học dân gian vẫn có những nét đặc thù mà văn học viết không có được. Văn học dân gian là sản phẩm mà ngôn từ làm chất liệu cơ bản, nhưng nó không chỉ có yếu tố ngôn từ mà còn kết hợp với nhiều yếu tố của văn nghệ dân gian như: nhạc, vũ đạo, biểu diễn,... và các thành phần phi nghệ thuật khác, gắn với môi trường diễn xướng, quá trình hình thành, tồn tại, lưu truyền và biến đổi của nó. Vì thế, nếu tách một tác phẩm văn học dân gian khỏi môi trường diễn xướng, sinh hoạt của nó thì tác phẩm đó không có ý nghĩa, chỉ còn là một cái xác khô cứng.

Trước hết, khi nói đến thi pháp văn học dân gian là phải nói đến những đặc điểm của hình thức, những cách thức thể hiện và biểu hiện riêng của từng nghệ nhân, của đặc điểm dân tộc

Hiện nay nhiều nhà nghiên cứu xem ý kiến của nhà nghiên cứu Folklore Chu Xuân Diên như một định nghĩa. Theo ông, “Thi pháp văn

học dân gian là toàn bộ những đặc điểm về hình thức nghệ thuật, về phương thức và thủ thật miêu tả, biểu hiện, về cách cấu tạo đề tài, cốt truyện và phương pháp xây dựng hình tượng con người”.

Từ ý kiến trên, ông còn nêu những bình diện nghiên cứu cụ thể của việc nghiên cứu thi pháp văn học dân gian, bao gồm từ việc khảo sát những yếu tố thi pháp riêng lẻ như phép so sánh thơ ca, các biểu tượng và luật thơ, các mô típ và cấu tạo cốt truyện, cách mô tả diện mạo bên ngoài và tâm lí bên trong của nhân vật,... đến việc khảo sát những đặc điểm thi pháp chung của từng thể loại; và những đặc điểm dân tộc của thi pháp văn học dân gian nói chung,...

Như vậy, đối tượng khảo sát của hướng nghiên cứu thi pháp văn học dân gian là khá đa dạng, thuộc nhiều bình diện khác nhau. Người nghiên cứu thi pháp văn học dân gian không chỉ nghiên cứu trên văn bản chữ viết của các tác phẩm văn học dân gian đã được sưu tầm, ghi chép mà còn nghiên cứu cả quá trình diễn xướng, lưu truyền trong môi trường mà tác phẩm tồn tại đó mới là hướng nghiên cứu bám sát đặc thù văn học dân gian và là hướng nghiên cứu có hiệu quả cao.

Từ định nghĩa và hướng nghiên cứu thi pháp văn học dân gian nêu trên, ông còn xác lập hệ thống thi pháp của bộ phận văn học này. Nói chung chúng ta có thể nghiên cứu văn học dân gian dưới nhiều cấp độ khác nhau như: Cấp độ thành tố của từng thể loại như ngôn ngữ, thể thơ, nhân vật, kết cấu, thời gian, không gian nghệ thuật,...; cấp độ thể loại như thi pháp thần thoại, thi pháp truyền thuyết, thi pháp truyện cổ tích, thi pháp truyện cười, thi pháp truyện ngụ ngôn, thi pháp ca dao, thi pháp sử thi dân gian, ...; cấp độ loại hình như thi pháp thơ ca dân gian, thi pháp truyện kể dân gian,...; ...

Thơ Tố Hữu mang nhiều dấu ấn thi pháp văn học dân gian trong sáng tác, nhưng ảnh hưởng lớn hơn cả đến thơ ông là thi pháp ca dao. Theo “Giáo trình văn học dân gian” (NXB Giáo dục Việt Nam, GS. TS. Vũ Anh Tuấn chủ biên) thì ngôn ngữ trong ca dao là sự kết tụ của ngôn ngữ nghệ thuật giàu chất thơ với ngôn ngữ của đời sống, với lời ăn tiếng nói hàng

ngày của quần chúng nhân dân [40, tr. 211]. Nó còn là sự kết hợp giữa tính dân tộc và tính địa phương. Trong ngôn ngữ ca dao, những đặc trưng chủ yếu về từ ngữ (việc sử dụng các tính từ, đại từ...); kết cấu ngắn gọn, lối đối đáp thường gặp, kết cấu tương đồng, tương phản hay lối trần thuật; thủ pháp nghệ thuật (so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, biểu tượng, lối miêu tả trực tiếp, thời gian và không gian nghệ thuật...), thể thơ (lục bát, song thất lục bát...) được thể hiện rất rõ. Và khi nghiên cứu thơ Tố Hữu, chúng ta có thể thấy những yếu tố đó trở nên quen thuộc, tạo nên dấu ấn đậm nét của thi pháp văn học dân gian, đặc biệt của thi pháp ca dao.

1.2. Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Tố Hữu

1.2.1. Vài nét về cuộc đời nhà thơ Tố Hữu

Nhà thơ Tố Hữu tên thật là Nguyễn Kim Thành, sinh ngày 4/10/1920 tại làng Phù Lai, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên (nay là Thừa Thiên Huế) trong một gia đình có cha là một nhà nho nghèo nhưng rất yêu thơ, ham sưu tầm ca dao, tục ngữ. Từ nhỏ, ông đã được cha dạy làm thơ theo lối cổ. Mẹ Tố Hữu là con của một nhà nho cũng rất yêu ca dao, dân ca xứ Huế và giàu tình thương con. Chính truyền thống văn hóa, văn chương của quê hương và gia đình là những nhân tố quan trọng trong sự hình thành hồn thơ Tố Hữu.

Năm Tố Hữu lên 12 tuổi, mẹ mất. Năm 13 tuổi, ông vào trường Quốc học (Huế). Tại đây, được trực tiếp tiếp xúc với tư tưởng Cách mạng qua sách báo tiến bộ của Mác, Ăngghen, Lênin, Hồ Chí Minh, Goocki... kết hợp với sự vận động, giác ngộ của các Đảng viên ưu tú bấy giờ (Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Chí Diểu), ông sớm nhận ra lý tưởng đúng đắn. Gia nhập Đoàn thanh niên, Tố Hữu hăng hái hoạt động, được kết nạp Đảng năm 1938.

Tháng 4/1939, Tố Hữu bị giặc Pháp bắt, bị tra tấn dã man và đày đi nhiều nhà lao. Trong tù, người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi luôn giữ vững khí tiết, tiếp tục hoạt động cách mạng ở mọi hoàn cảnh. Cuối 1941, ông vượt ngục về hoạt động bí mật ở Hậu Lộc - Thanh Hóa. Khi Cách mạng tháng Tám bùng nổ, Tố Hữu giữ chức vụ Chủ tịch ủy ban khởi nghĩa của thành

phổ Huế. Năm 1946, là bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa. Cuối 1947, ông lên Việt Bắc làm công tác văn nghệ, tuyên huấn. Từ đó, ông luôn giữ những trọng trách trong công tác văn nghệ, trong bộ máy lãnh đạo Đảng và nhà nước (1948: Phó tổng thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam; 1963: Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam; tại đại hội Đảng lần II/02-1951: Ủy viên dự khuyết Trung ương; 1955: Ủy viên chính thức; tại đại hội Đảng lần III/9-1960: vào Ban Bí thư; tại đại hội Đảng lần IV/1976: Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, Bí thư Ban chấp hành Trung ương, Trưởng ban Tuyên truyền Trung ương, Phó Ban Nông nghiệp Trung ương; từ 1980: Ủy viên chính thức Bộ Chính trị; 1981: Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ Trưởng). Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ khác như Hiệu trưởng Trường Nguyễn Ái Quốc, Trưởng Ban Thống nhất Trung ương, Trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương. Ông còn là Đại biểu Quốc hội khoá II và VII. Năm 1996, ông được Nhà nước phong tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật (đợt 1).

Ông mất ngày 9 tháng 12 năm 2002 tại Bệnh viện 108.

Trong suốt cuộc đời và sự nghiệp thơ ca của ông, các nhà nghiên cứu đã chỉ rõ ở Tố Hữu có sự thống nhất đẹp đẽ giữa cuộc đời cách mạng và cuộc đời thơ. Chặng đường thơ của Tố Hữu là chặng đường lịch sử của cả một dân tộc. Ông được coi là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng và kháng chiến.

1.2.2. Những chặng đường thơ Tố Hữu

Thơ Tố Hữu có thể chia thành 3 giai đoạn: Trước Cách mạng tháng Tám, sau Cách mạng tháng Tám đến thời kì đổi mới, thời kì sau đổi mới.

1.2.2.1 Trước Cách mạng tháng Tám

Tập thơ “Từ ấy” (1937 – 1946)

Tập thơ chia làm ba phần, phản ánh quá trình giác ngộ và trưởng thành của người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi.

Với riêng tác giả Tố Hữu, giai đoạn này cũng là lúc bước vào tuổi thanh niên, được gặp gỡ lý tưởng cộng sản và trở thành một người chiến sĩ hăng hái, một người lãnh đạo phong trào thanh niên dân chủ ở Huế.

Phần Máu lửa cho thấy nội dung chủ đạo là tiếng lòng đồng cảm với những thân phận bị đọa đày, hắt hủi của những người lao động nghèo khổ ở thành thị. Đó là em bé mồ côi (bài “Hai đứa trẻ”), chị vú em phải bỏ con ở quê nhà đói lạnh để ôm con của chủ (bài “Vú em”), ông lão đầy tớ, cô gái giang hồ trên dòng Hương Giang (bài “Tiếng hát sông Hương”)... Niềm cảm thông, xót xa, đồng cảm với những thân phận nghèo hèn trong xã hội thực dân nửa phong kiến luôn đi đôi với tiếng nói khơi gợi trong họ ý thức phản kháng, đem đến cho họ niềm tin vào một cuộc đổi đời. Bên cạnh đó, những tình cảm trắc ẩn và niềm cảm thông đó đã những đã tiếp sức cho nhà thơ trên bước đường đến với cách mạng.

Không chỉ có tình cảm với người lao động trong nước, lý tưởng cộng sản quốc tế phản ánh trong phần “Máu lửa” thông qua cả những tiếng nói chống chiến tranh phát xít, có ý nghĩa ở tầm nhân loại.

Với riêng nhà thơ, “Máu lửa” biểu hiện tiếng reo ca náo nức của một tâm hồn trẻ khát khao lẽ sống đã gặp lý tưởng cách mạng, mà bài thơ “Từ ấy” là một điển hình.

“Xiềng xích” gồm 30 bài sáng tác trong thời gian tác giả bị giam tại nhà tù đế quốc từ tháng 4 năm 1939 đến tháng 3 năm 1942. Phần này như một bản quyết tâm thư của người chiến sĩ trẻ tuổi tự nhủ với lòng mình không khuất phục trước súng đạn và sự tra tấn tàn bạo của kẻ thù, không nản chí trước mọi khó khăn trở ngại. Đó là những cuộc tuyệt thực trong nhà lao, những cuộc chiến đấu gay go với bản thân để vượt qua những cám dỗ thấp hèn (bài “Con cá chột nưa”, “Tranh đấu”); là những lời trăng trối của bạn tù gửi lại khi ra pháp trường (bài “Trăng trối”); là xúc cảm xao động trước tiếng vọng của cuộc đời bên ngoài qua song cửa nhà tù (bài “Một tiếng rao đêm”, “Nhớ người”, “Nhớ đồng”); là ý chí hướng về những tấm gương hy sinh của đồng bào và chiến sĩ trong khởi nghĩa Nam Kỳ (bài “Bà má Hậu Giang”); là tiếng nói đấu tranh góp phần với phong trào đấu tranh bên ngoài và những tiếng thơ kêu gọi tâm huyết (bài “Dậy mà đi”, “Dậy lên thanh niên”)...